TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CX
TỈNH HT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 45/2018/QĐST- HNGĐ

Cẩm X, ngày 15 tháng 05 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 45/2018/TLST/HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2018 giữa:

*** Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1989**
Trú quán: Thôn 7, xã Cẩm H, huyện Cẩm X, tỉnh Hà T
*** Bị đơn: Anh Lê Văn G, Sinh năm 1986**
Trú quán: Thôn 7, xã Cẩm H, huyện Cẩm X, tỉnh Hà T.

Căn cứ vào Khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 24; khoản 7 điều 26; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 05 năm 2018 về việc các đ- ơng sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận đ- ợc với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 05 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phan Thị T và anh Lê Văn G

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Về con cái: Chị Phan Thị T và anh Lê Văn G xác nhận có một con chung: Cháu Lê Phan Khánh H (Nữ), sinh ngày 12/02/2012;

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T và anh G:

- Giao cháu Lê Phan Khánh H cho chị Phan Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh Lê Văn G có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu H tròn 18 tuổi. Anh Lê Văn G có nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

+ Về tài sản: Chị Phan Thị T và anh Lê Văn G xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chưa tạo lập được tài sản gì chung.

+ Về nợ: Chị Phan Thị T và anh Lê Văn G xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

+ Về án phí: Chị Phan Thị T và anh Lê Văn G thỏa thuận: chị Phan Thị T chịu 150.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị Trang đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm X theo biên lai số 0000670 ngày 05 tháng 04 năm 2018. Trả lại cho chị Phan Thị T 150.000đ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp.

- Anh Lê Văn G phải nộp 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà T
- VKSND huyện CX
- Chi cục T.HADS huyện CX
- UBND xã Cẩm H để xóa tên trong sổ đăng ký kết hôn số 43 ngày 23/11/2011
- Các đ- ơng sự
- L- u HS, án văn

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYÊN
Thẩm phán

Trần Thị M T